

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HS-ST

Ngày: 04 - 3 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Văn Sinh.

2/ Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Sỹ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2021/TLST- HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Dương Quốc B, sinh năm 1998 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Anh K, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2020 cho đến nay, có mặt.

2. Trần Hữu Đ, sinh năm 1994 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu T, sinh năm 1964 và bà Lê Thị H, sinh năm 1964; tiền án: 01 (một), năm 2019 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 04 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 218/2019/HS-ST ngày 17/9/2019, chấp hành xong hình phạt vào ngày 28/4/2020; tiền sự: không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2020 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ông Tạ Văn H, sinh năm 1992; nơi cư trú: khu phố Đ, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1992; HKTT: Xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Cửa hàng xe máy L, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Công ty TNHH MTV Dịch vụ bảo vệ N; trụ sở: Khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Huy C, sinh năm 1974; nơi cư trú: Khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương - Là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 04/3/2021), có mặt.

4. Công ty Cổ phần G; trụ sở: khu phố Q, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977; nơi cư trú: phường T, Quận T, thành phố Đà Nẵng - Là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 01/3/2021), có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn P (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân Dương Quốc B là công nhân đang làm việc tại Công ty TNHH G, thuộc khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do cần tiền để giải quyết công việc cá nhân nên B đã nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của công nhân khác để trong công ty. Thực hiện ý định trên, vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 27/9/2020, B gọi điện rủ Trần Hữu Đ cùng tham gia thì Đ đồng ý, Đ rủ thêm đối tượng H, D là bạn của Đ (tất cả đều không xác định được lai lịch, địa chỉ) cùng tham gia. Đến khoảng 03 giờ 00 phút cùng ngày 28/9/2020, theo kế hoạch B điều khiển xe mô tô kiểu dáng Exciter, biển số: 85D1-470.95 đi đến đoạn đường cách Công ty TNHH G khoảng 200 mét thì gặp Đ đi cùng với H, D đang đứng đợi tại đây. Lúc này, B điều khiển xe mô tô biển số 85D1-470.95 đi đến vào phòng bảo vệ gặp ông Nguyễn Văn P là bảo vệ của Công ty TNHH G đang trực gác để nói chuyện nhằm đánh lạc hướng sự chú ý của ông P. Lúc này ở ngoài, Đ cùng H, D lén lút đi vào bãi giữ xe của công ty rồi H dùng cây đoản mang theo bẻ ổ khóa nguồn điện của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Exciter, biển số: 61E1-596.43 của ông Tạ Văn H là công nhân của công ty đang làm ca đêm trong công ty. Sau khi bẻ khóa nguồn điện xong thì Đ cùng D dắt xe ra ngoài và tẩu thoát khỏi hiện trường.

Lúc này, B quan sát thấy Đ cùng đồng bọn đã chiếm đoạt được xe mô tô kiểu dáng Exciter, biển số: 61E1-596.43, thì B đi ra lấy xe mô tô biển số 85D1-470.95 của mình đi về phòng trọ ngủ. Đến 07 giờ 00 phút sáng ngày 28/9/2020, B đi đến công ty làm việc như bình thường thì bị công ty mời lên làm việc. Riêng Đ sau khi chiếm đoạt được chiếc xe mô tô trên thì Đ giao xe cho đối tượng H, D mang đi bán được 9.000.000 đồng nhưng Đ không biết bán ở đâu và cũng chưa nhận được tiền chia đến ngày 05/10/2020, Đ đến Công an thành phố T đầu thú hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh (kiểu dáng Exciter), nhãn hiệu YAMAHA, số loại: Exciter – 55P1, thể tích xi lanh 135 cm³; biển kiểm soát 85D1 – 47095; số khung nguyên thủy: RLCE55P10DY209817; số máy nguyên thủy: 55P1-209830.

Kết luận định giá tài sản ngày 07/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 61E1 – 59643; số loại Exciter 150; số máy: G3D4E361181; số khung: 0610GY344074 trị giá 38.000.000đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

Bản Cáo trạng số 51/CT-VKS-TA ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Dương Quốc B và Trần Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, xác định:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Dương Quốc B phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Trần Hữu Đ phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Đ sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo B được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; bị cáo Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Dương Quốc B mức hình phạt tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; bị cáo Trần Hữu Đ mức hình phạt tù 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển số 85D1-470.95 là phương tiện bị cáo B sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc xe tô biển số 61E1-596.43, qua điều tra xác định ông Từ Văn H là chủ sở hữu xe mô tô trên. Quá trình điều tra xác định sau khi chiếm đoạt được xe các đối tượng H và D đã đem đi tiêu thụ, hiện Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm vật chứng đối với chiếc xe mô tô biển số 61E1-596.43 nhưng đến nay chưa thu hồi được, ông Từ Văn H yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện nhận trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 38.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 19.000.000 đồng, bị hại đồng ý việc các bị cáo bồi thường số tiền như trên và không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại.

Đối với các đối tượng tên H và D là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, qua điều tra Đ khai nhận là bạn bè ngoài xã hội, không xác định rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, truy tìm sẽ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Văn P, quá trình điều tra xác định tại thời điểm mất trộm xe mô tô trên ông P là nhân viên Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ N được phân công trực, ông P không biết và B cũng không nói cho ông P biết việc B cùng đồng phạm đang thực hiện

hành vi chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý vai trò đồng phạm là có căn cứ.

- Bị hại ông Từ Văn H trình bày: Thống nhất với lời khai nhận tội của các bị cáo và việc Viện kiểm sát truy tố các bị cáo. Thống nhất việc các bị cáo tự nguyện nhận trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 38.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 19.000.000 đồng, ông H xác định không có ý kiến gì khác và không còn yêu cầu nào khác trong vụ án.

- Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV Dịch vụ bảo vệ N trình bày: Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm ý kiến gì khác, không có yêu cầu gì trong vụ án.

- Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần G trình bày: Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm ý kiến gì khác, không có yêu cầu gì trong vụ án.

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để được sớm trở về với gia đình, làm người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Quốc B và Trần Hữu Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã truy tố trước Tòa. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 03 giờ 00 phút cùng ngày 28/9/2020, Công ty TNHH G, thuộc khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Dương Quốc B và Trần Hữu Đ cùng các đối tượng H, D có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 61E1 – 59643; số loại Exciter 150 trị giá 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) của bị hại Từ Văn H.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật

hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên các bị cáo đã cố ý thực hiện. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Trong vụ án có vai trò đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo có sự bàn bạc, chuẩn bị và có sự phân công cụ thể. Trong vụ án này, bị cáo Đ cùng các đồng phạm H, D là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Dương Quốc B là người chủ mưu, rủ rê, tích cực tạo điều kiện cho các đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, vai trò của bị cáo B cao hơn bị cáo Đ.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Dương Quốc B phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Trần Hữu Đ đã bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 04 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 218/2019/HS-ST ngày 17/9/2019, chấp hành xong hình phạt vào ngày 28/4/2020, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp Tái phạm quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Dương Quốc B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Trần Hữu Đ sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Do đó, bị cáo B được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; bị cáo Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh (kiểu dáng Exciter), nhãn hiệu YAMAHA, số loại: Exciter – 55P1, đèn dung tích xi lanh 135 cm³; biển kiểm soát 85D1 – 47095; số khung nguyên thủy: RLCE55P10DY209817; số máy nguyên thủy: 55P1-209830, quá trình điều tra xác định: Xe trên do ông Trần Thanh T là người đứng tên chủ sở hữu, ông T khai nhận vào khoảng tháng 12/2018 ông T đã bán chiếc xe này cho ông Nguyễn Trọng T là chủ cửa hàng xe máy L tại địa chỉ đường N, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Sau đó vào khoảng tháng 6/2020 ông T bán chiếc xe này cho bị cáo B với giá 18.500.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ông Trần Thanh T không có yêu cầu gì đối với chiếc xe trên. Xét thấy, đây là phương tiện bị cáo B sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với chiếc xe tô biển số 61E1-596.43 mà các bị cáo chiếm đoạt, qua điều tra xác định ông Từ Văn H là chủ sở hữu xe mô tô trên, hiện nay xe chưa thu hồi được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện nhận trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 38.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 19.000.000 đồng, bị hại đồng ý việc các bị cáo bồi thường như trên và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[10] Đối với đối tượng tên H, D là người trực tiếp cùng bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên sẽ xử lý ở một vụ án khác khi có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Văn P, quá trình điều tra xác định tại thời điểm mất trộm xe mô tô trên ông P là nhân viên Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ N được phân công trực, ông P không biết và B cũng không nói cho ông P biết việc B cùng đồng phạm đang thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý vai trò đồng phạm là có căn cứ.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Dương Quốc B.

- Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Hữu Đ.

- Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Dương Quốc B và bị cáo Trần Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Dương Quốc B 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Dương Quốc B và bị cáo Trần Hữu Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại ông Tạ Văn H số tiền 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng), trong đó phần của mỗi bị cáo là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh (kiểu dáng Exciter), nhãn hiệu YAMAHA, số loại: Exciter – 55P1, đề dung tích xi lanh 135cm³; biển kiểm soát 85D1 – 47095; số khung nguyên thủy: RLCE55P10DY209817; số máy nguyên thủy: 55P1-209830.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/01/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố T;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố T;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Các bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh